

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/2/2016, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

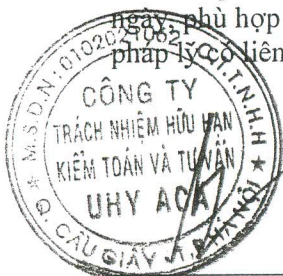
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.018.683.291	95.888.590.185
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	367.290.937	2.708.430.117
Tiền	111		367.290.937	2.708.430.117
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.204.376.218	86.043.178.015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	37.600.253.757	43.395.144.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.727.337.833	376.853.240
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	3.627.823.232	47.628.219.455
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.751.038.604)	(5.357.039.520)
Hàng tồn kho	140		13.847.016.136	7.136.982.053
Hàng tồn kho	141	7	13.847.016.136	7.548.073.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(411.091.925)
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.918.481.139	5.733.072.867
Tài sản cố định	220		4.918.481.139	5.733.072.867
Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.918.481.139	5.733.072.867
- Nguyên giá	222		13.200.124.912	26.109.130.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.281.643.773)	(20.376.057.996)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		114.705.470	114.705.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(114.705.470)	(114.705.470)
TỔNG TÀI SẢN	270		69.937.164.430	101.621.663.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		46.144.305.637	77.774.584.474
Nợ ngắn hạn	310		46.144.305.637	77.774.584.474
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.089.329.568	988.948.850
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.722.474.000	330.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	640.863.509	16.967.877.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	922.718.420	16.240.248.796
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	39.510.586.426	43.265.988.998
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.333.714	311.190.714
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.792.858.793	23.847.078.578
Vốn chủ sở hữu	410	14	23.792.858.793	23.847.078.578
Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.000.000.000	19.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.000.000.000	19.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.606.402.000	3.762.259.133
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.186.456.793	1.084.819.445
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.084.819.445	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.101.637.348	1.084.819.445
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		69.937.164.430	101.621.663.052

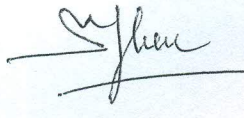
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Lê Trung Hiếu

Phụ trách kế toán



Lê Trung Hiếu



Phạm Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	142.763.145.584	103.463.152.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.763.145.584	103.463.152.807
Giá vốn hàng bán	11	16	130.518.457.375	90.082.324.320
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.244.688.209	13.380.828.487
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.031.643.262	869.926.312
Chi phí tài chính	22	18	4.475.050.231	6.556.819.218
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.937.208.975	6.309.167.355
Chi phí bán hàng	25	19	6.696.143.786	7.066.934.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	14.616.605.505	6.807.848.395
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.511.468.051)	(6.180.847.144)
Thu nhập khác	31	20	12.797.276.973	31.176.605.888
Chi phí khác	32	21	340.028.707	-
Lợi nhuận khác	40		12.457.248.266	31.176.605.888
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(54.219.785)	24.995.758.744
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	933.551.163
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(54.219.785)	24.062.207.581
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(29)	12.664
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Lê Trung Hiếu

Phụ trách kế toán

Lê Trung Hiếu



Phạm Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	159.969.113.499	121.957.375.265
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(151.524.119.072)	(87.122.850.629)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(4.187.367.657)	(4.442.381.991)
Tiền lãi vay đã trả	4	(3.573.365.366)	(6.309.167.355)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(821.627.831)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	48.004.290.673	22.102.773.195
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(33.948.039.227)	(63.650.292.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.918.885.019	(17.464.544.250)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	31.176.605.888
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.600.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	997.063.238	847.923.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.602.936.762)	32.024.528.943
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	76.842.130.603	62.853.506.474
Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.499.218.040)	(81.057.531.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.657.087.437)	(18.204.024.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.341.139.180)	(3.644.040.027)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.708.430.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	6.352.470.144
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	367.290.937
			2.708.430.117

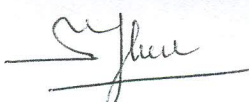
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Lê Trung Hiếu

Phụ trách kế toán



Lê Trung Hiếu

